TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN KHÁNH** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 10/2020/QĐST- HNGĐ	*Yên Khánh, ngày 03 tháng 3 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN
THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC Đ□ƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ dân sự thụ lý số: 08/2019/TLST/HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2020 về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn giữa:

- Nguyên đơn : Chị Đỗ Thị Phương L.

Địa chỉ: thôn Q, xã N, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình.

NĐKHKTT: xóm C, xã N, huyện Yên Khánh , tỉnh Ninh Bình.

- Bị đơn : Anh Nguyễn Văn M.

Địa chỉ: xóm C, xã N, huyện Yên Khánh , tỉnh Ninh Bình.

- Căn cứ vào các Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội.

- Căn cứ Điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 02 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành 24 tháng 02 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đ- ơng sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Đỗ Thị Phương L và anh Nguyễn Văn M.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đ- ơng sự cụ thể nh- sau:

2.1 Về con: Giao cháu Nguyễn Thị Quỳnh H, sinh ngày 02 tháng 02 năm 2017 cho chị Đỗ Thị Phương L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Văn M không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị Loan và không ai được cản trở việc thăm nom con chung.

Chị Đỗ Thị Phương L và anh Nguyễn Văn M không có con riêng nên anh, chị không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

2.2. Về tài sản: Chị Đỗ Thị Phương L và anh Nguyễn Văn M không có tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và đất nông nghiệp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí: Chị Đỗ Thị Phương L nộp 150.000đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng đ- ợc khấu trừ vào số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/0002153 ngày 10 tháng 02 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Khánh.Trả lại cho chị Đỗ Thị Phương L số tiền 150.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi đ- ợc ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự .

THẨM PHÁN

(đã ký)

Phan Hữu Ý

Nơi gửi :
- *TAND tỉnh Ninh Bình.*
- *VKSND huyện Yên Khánh.*
- *THA DS huyện Yên Khánh.*
- *UBND xã N.*
- *Đương sự*
- *L- uhồ sơ vụ án*